

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách  
hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số  
97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Báo cáo số 199/BC-HĐND ngày 30/11/2022 của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

Nhận thức vai trò quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong thời gian qua tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong việc ban hành các chính sách, chương trình, hoạt động cụ thể nhằm tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi để hỗ trợ doanh nghiệp. Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết 97*) với 12 nội dung chính sách hỗ trợ đầu tư đã được áp dụng trên thực tế nhận được sự đồng thuận, đánh giá cao của cộng đồng doanh nghiệp đã và đang từng bước đi vào cuộc sống. Tính đến thời điểm hiện nay, kể từ khi Nghị quyết 97 được ban hành đã có 04/12 nội dung chính sách được áp dụng hỗ trợ với tổng kinh phí hỗ trợ là 6.107.167.642 đồng cho 02 dự án đầu tư (dự án Nhà máy bột gạo của Công ty TNHH MTV Bột mì Đại Nam; dự án Cơ sở chế biến rau, củ, quả của Công ty TNHH Đông Phát Food) và hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với 545 lượt học viên tham dự. Ngoài ra, Ban Chỉ đạo các dự án đầu tư thuộc nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh hiện đang thẩm tra đề xuất đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long tại xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm tạo điều kiện

hỗ trợ doanh nghiệp giảm bớt khó khăn, tập trung nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng năng suất, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 97 đã bộc lộ một số bất cập như:

- Đối với điều kiện để được hưởng hỗ trợ đầu tư: Cơ quan quản lý nhà nước khó xác định việc triển khai xây dựng đạt 100% khối lượng để xem xét hỗ trợ đầu tư.

- Đối với chính sách Hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (gồm đất đai và các tài sản, vật kiến trúc trên đất): theo ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị “không quy định điều này vì theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành, việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thuộc trách nhiệm của Nhà nước. Trường hợp không thực hiện giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất mà nhà đầu tư tự ứng tiền giải phóng mặt bằng thì được Nhà nước khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp”.

- Đối với chính sách Hỗ trợ về tín dụng: Chưa xác định mức trần hỗ trợ, sẽ tạo áp lực lớn lên ngân sách tỉnh chi trả hỗ trợ trong điều kiện nguồn lực của tỉnh còn hạn hẹp. Đặc biệt là các dự án có quy mô vốn đầu tư và hợp đồng tín dụng lớn.

- Đối với chính sách Hỗ trợ đầu tư về kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Theo đó, hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng đường giao thông đến hàng rào dự án, chưa quy định mức trần trong hỗ trợ sẽ tạo thêm áp lực cho ngân sách tỉnh trong việc chi trả cũng như trùng với chính sách hỗ trợ từ Trung ương đối với các dự án đầu tư các Khu Công nghiệp, Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Do đó, cần xác định, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Đối với chính sách Hỗ trợ kinh phí vận động thu hút đầu tư: thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận Bản đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư của tổ chức hoặc cá nhân là quá ngắn, gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước thẩm định về việc đăng ký tham gia công tác vận động mời gọi đầu tư.

Bên cạnh đó, các hồ sơ, tài liệu kèm theo của nhà đầu tư đề nghị được hỗ trợ cũng được đề xuất thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế, tạo thuận lợi hơn cho nhà đầu tư. Đồng thời, các ngành, nghề, lĩnh vực hỗ trợ đầu tư của tỉnh có những thay đổi do Luật Đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Do đó, để phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật, nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của các chính sách nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành

kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

- Khắc phục được các bất cập, tồn tại đảm bảo sự hoạt động ổn định, bền vững, linh hoạt nhằm phát huy hiệu quả của chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính theo hướng thông thoáng, minh bạch thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư, góp phần thực hiện đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

- Tiếp tục kế thừa, phát triển và hoàn thiện những quy định thông thoáng của chính sách hiện hành còn phù hợp với thực tế, đảm bảo giảm chi phí thời gian, tính kịp thời, dễ tiếp cận, tra cứu, tìm hiểu các quy định chính sách một cách nhanh chóng, thuận tiện.

### **2. Quan điểm**

- Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long;

- Các nội dung hỗ trợ của chính sách được bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung không trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh. Thủ tục thực hiện đơn giản để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu, qua đó góp phần thu hút thêm nhiều nhà đầu tư đến từ trong nước và nước ngoài.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ Công văn số 114/HĐND ngày 25/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết theo Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 10/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ luận số 1068-KL/TU ngày 28/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long,

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến phối hợp trực tiếp bằng văn bản của Sở Tư pháp, các sở ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị, thành phố, hội, hiệp hội và các đơn vị liên quan để tham mưu UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, dự thảo đã được đăng trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh để lấy ý kiến từ ngày 30/9/2022. Sau khi lấy ý kiến của các sở, ban, ngành đơn vị liên quan, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, hoàn chỉnh gửi Sở Tư pháp thẩm định và hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Căn cứ Báo cáo số 199/BC-HĐND ngày 30/11/2022 của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã lấy ý kiến các đơn vị liên quan và hoàn chỉnh các nội dung theo báo cáo. Đồng thời, gửi Sở Tư

pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung theo quy định và hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục:** Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị quyết gồm 04 Điều như sau:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, tên, điểm, khoản, điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Điều 4. Điều khoản thi hành.

#### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo sửa đổi, bổ sung văn bản**

##### **2.1. Liên quan đến nội dung chính sách hỗ trợ đầu tư**

Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung liên quan đến chính sách là nhằm mục đích quy định rõ hơn nội dung chính sách, giới hạn phạm vi hỗ trợ để đảm bảo việc hỗ trợ đúng trọng tâm, trọng điểm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh cũng như không mâu thuẫn, chồng chéo với những chính sách đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại giai đoạn đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Cụ thể các nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ liên quan đến chính sách như sau:

(1) Sửa đổi, bổ sung Điều 3. Ngành, nghề - lĩnh vực hỗ trợ đầu tư, quy mô đầu tư

(2) Bãi bỏ Điều 9. Hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (gồm đất đai và các tài sản, vật kiến trúc trên đất)

(3) Sửa đổi, bổ sung Điều 11. Hỗ trợ về tín dụng

##### **1. Mức hỗ trợ**

Hỗ trợ 2%/năm lãi suất vay vốn, tính trên dư nợ thực tế của phần vốn vay để đầu tư tài sản cố định từ các ngân hàng thương mại trong nước hoặc từ Quỹ Đầu tư phát triển của tỉnh. Tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án đối với dự án có tổng vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở xuống và không quá 10 tỷ đồng/dự án đối với dự án có tổng vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng.

##### **2. Phương thức hỗ trợ**

Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán lãi suất đối với các kỳ trả lãi được hỗ trợ. Số tiền hỗ trợ được thanh toán theo định kỳ 6 tháng hoặc hàng năm.

(4) Bỏ cụm từ “nhưng không quá cấp đường đầu nối”, “và phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh” và thay thế cụm từ “Phụ lục kèm theo Nghị quyết này” thành “Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này” tại Điều 12. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông đối với các dự án ở bên ngoài các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

(5) Sửa đổi, bổ sung Điều 13. Hỗ trợ đầu tư Khu, Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng đường giao thông đến hàng rào Khu, Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tính từ điểm đầu nối với trục giao thông chính. Tổng mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/ dự án.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng với mức hỗ trợ không quá 25 tỷ đồng/Khu, Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(6) Bãi bỏ điểm a khoản 4 Điều 14. Hỗ trợ, đầu tư đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao; vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến rau, củ, quả; xây dựng cánh đồng sản xuất lúa chất lượng cao.

(7) Sửa đổi, bổ sung Điều 18. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án mới có chuyển giao công nghệ

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% kinh phí đối với đầu tư dự án mới có chuyển giao công nghệ nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ: Phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Dự án đầu tư mới có chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 3 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ

b) Nhà đầu tư cung cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

(8) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 như sau:

#### **“Phụ lục I**

### **DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ - LĨNH VỰC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ, QUY MÔ ĐẦU TƯ CỦA TỈNH VĨNH LONG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND, ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

<b>STT</b>	<b>NGÀNH, NGHỀ - LĨNH VỰC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ</b>	<b>QUY MÔ ĐẦU TƯ</b>
1	Xây dựng khu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	100 ha trở lên
2	Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình	05 ha trở lên

	diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
3	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung	05 ha trở lên
4	Chế biến, bảo quản nông, thủy sản, dược liệu	giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu
5	Đầu tư mới cơ sở giết mổ, bảo quản, sơ chế, chế biến tập trung công nghiệp	200 con gia súc ngày/đêm trở lên hoặc 2.000 con gia cầm ngày/đêm trở lên
6	Phát triển công nghiệp chế biến, tiêu thụ vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; Phát triển công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp	05 ha trở lên
7	Trồng cây dược liệu, sản xuất nông nghiệp hữu cơ.	20 ha trở lên
8	Phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với vùng cây ăn quả	30 ha trở lên
9	Phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với vùng sản xuất rau màu	20 ha trở lên
10	Phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với xây dựng cánh đồng sản xuất lúa chất lượng cao	50 ha trở lên
11	Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản	20 ha trở lên
12	Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học	05 ha trở lên
13	Đầu tư sản xuất các loại thuốc bảo vệ thực vật sinh học	5.000 tấn/năm trở lên
14	Sản xuất phân bón hữu cơ, nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh	30.000 tấn/năm trở lên
15	Đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	10 ha trở lên
16	Trung tâm dịch vụ logistic	03 ha trở lên
17	Kho hàng hóa, kho lạnh, phát triển chuỗi logistic lạnh thông minh, khuyến khích xuất khẩu rau, củ, quả Việt Nam	1.000 tấn trở lên

(9) Thay thế tên “Phụ lục 2” bằng “Phụ lục II”.

## **2.2. Liên quan đến nội dung thủ tục hành chính chính sách hỗ trợ đầu**

**tu**

- Sửa đổi, bổ sung quy định thời gian giải quyết, thành phần hồ sơ, vẫn đảm bảo tính hợp lý của tên thủ tục hành chính, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính được đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp, cụ thể như:

+ Cách thức thực hiện thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể.

+ Thành phần hồ sơ: Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, hình thức của từng thành phần hồ sơ, số lượng bộ hồ sơ. Thành phần hồ sơ, số lượng bộ hồ sơ thực sự cần thiết cho việc giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện được pháp luật quy định, bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước; thành phần hồ sơ không trùng với thành phần hồ sơ của một thủ tục hành chính khác có kết quả là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính dự kiến quy định.

+ Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể, trong đó quy định rõ tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định đến khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Việc quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm tiết kiệm thời gian cho cá nhân, tổ chức và phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

- Về chi phí tuân thủ thủ tục hành chính: xác định rõ chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, bảo đảm cắt giảm tối đa chi phí không cần thiết cho cá nhân, tổ chức, có tính đến đặc điểm địa phương, đối tượng thực hiện, lĩnh vực và thông lệ quốc tế.

*(đính kèm các biểu mẫu đánh giá tác động của thủ tục hành chính)*

Cụ thể các nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến thủ tục hành chính như sau:

(1) Sửa đổi, bổ sung Điều 6. Điều kiện để được hưởng hỗ trợ đầu tư

Khi dự án đầu tư đã hoàn thành, được nghiệm thu và đưa vào sử dụng thì được xem xét hỗ trợ.

(2) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19. Hỗ trợ kinh phí vận động thu hút đầu tư

Các tổ chức hoặc cá nhân phải có văn bản xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký tham gia công tác vận động mời gọi đầu tư trước khi tiến hành vận động mời gọi đầu tư. Hồ sơ đề nghị xác nhận gồm: 01 Bản đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư (Theo Mẫu 3, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này) gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận Bản đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư của tổ chức hoặc cá nhân, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản xác nhận gửi theo đường bưu điện hoặc trao trực tiếp cho đối tượng đã đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư.

(3) Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm e khoản 1 Điều 20. Hồ sơ đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e. Các tài liệu khác kèm theo:

Ngoài các thành phần hồ sơ quy định trên, tương ứng với từng loại chính sách được quy định tại Chương II Nghị quyết này, nhà đầu tư đề nghị được hỗ trợ phải cung cấp các tài liệu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành có liên quan như:

- Đối với hỗ trợ kinh phí chuẩn bị đầu tư: Nhà đầu tư cung cấp hợp đồng và thanh lý hợp đồng việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng và lập dự án đầu tư (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà máy xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn: Nhà đầu tư cung cấp giấy phép môi trường (hoặc giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014), kèm theo hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải theo quy định; dự toán hạng mục công trình; hợp đồng và thanh lý hợp đồng (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ tín dụng: Nhà đầu tư cung cấp dự toán hạng mục công trình; hợp đồng tín dụng vay để đầu tư tài sản cố định; phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có); khế ước nhận nợ; hồ sơ, tài liệu trả lãi vay (bản sao có chứng thực); sao kê dư nợ tín dụng; biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông các dự án ở bên ngoài các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Nhà đầu tư cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ đầu tư về Khu, Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Nhà đầu tư cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao; vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến rau, củ, quả; xây dựng cánh đồng sản xuất lúa chất lượng cao: Nhà đầu tư cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: Nhà đầu tư cung cấp phiếu đăng ký tham gia khóa đào tạo theo kế hoạch chiêu sinh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức; tài liệu chứng nhận hoàn thành khóa học.



- Đối với hỗ trợ chi phí quảng cáo: Nhà đầu tư cung cấp các hợp đồng quảng cáo sản phẩm mới với các đơn vị truyền thông; thanh lý hợp đồng (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư: Nhà đầu tư cung cấp hợp đồng với các đơn vị tổ chức sự kiện trong quá trình tham gia xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; thanh lý hợp đồng (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án mới có chuyển giao công nghệ: Nhà đầu tư cung cấp hợp đồng mua bán máy móc thiết bị mới, được ký kết giữa doanh nghiệp và đơn vị cung cấp; thanh lý hợp đồng (bản sao có chứng thực)”

(4) Bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 20. Hồ sơ đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư.

(5) Bãi bỏ Điều 23. Xử lý chuyển tiếp.

#### **V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): không có**

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo: dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, báo cáo giải trình, tiếp thu báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, và các văn bản khác có liên quan)./.*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở KHĐT; Sở Tư pháp;
- Phòng KT-NV; TH;
- Lưu: VT, 5.18.05.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**